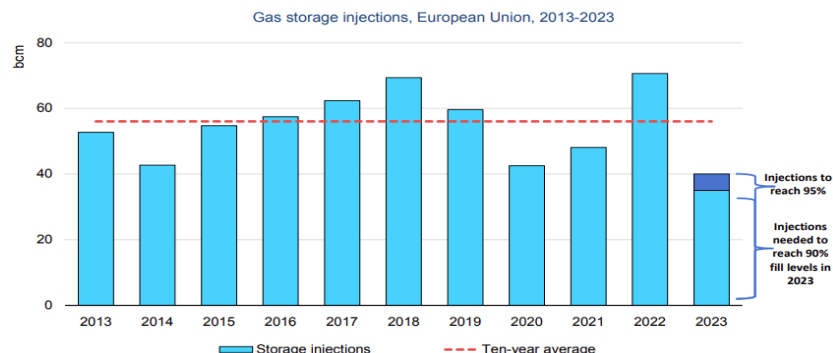


### Điểm nhấn



Nhu cầu khí toàn đang phục hồi khi lượng khí tồn kho tại châu Âu sụt giảm (Nguồn: IEA)

- **Khí tự nhiên (+3,1% DoD):** Giá khí tự nhiên tăng mạnh 3,1%, đạt mức 2,63 USD/MMBtu trong ngày đầu tuần sau thông tin các cuộc đàm phán về tiền lương giữa công nhân và ban quản lý các nhà máy LNG tại Úc không hiệu quả. Dự kiến các cuộc đình công sẽ tiếp tục diễn ra từ đầu tháng 9 sẽ gây ảnh hưởng tới nguồn cung khí đốt toàn cầu. Ngoài ra việc lượng khí tồn kho tại châu Âu sụt giảm cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến cho giá khí tự nhiên tăng đáng kể.
- **Đường (-1,5% DoD):** Giá đường sụt giảm về mức 23,4 USD/Lbs sau khi Hiệp hội Công nghiệp Mía đường Brazil thông báo rằng sản lượng đường tại Trung-Nam Brazil tăng hơn 11% so với cùng kì. Ngoài ra Ấn Độ (nước sản xuất đường lớn thứ 2 trên thế giới) cũng cho biết lượng đường tích trữ của nước này đã đủ từ đó giảm xác suất quốc gia này có thể tiếp tục cắt giảm xuất khẩu đường.
- **Ngô (-2,1% DoD):** Giá ngô tiếp tục quay đầu giảm chủ yếu do những kì vọng tốt về vụ mùa ngô tại Hoa Kỳ. Tình hình thời tiết chuyển biến tích cực trong thời gian qua giúp cho sản lượng cũng như chất lượng cây trồng đang có xu hướng cải thiện dần là lí do khiến giá ngô suy giảm.

### Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

| Hàng hóa     | Trend hàng hóa | Ngành đáng chú ý              | Xu hướng giá cổ phiếu của ngành | Cổ phiếu đáng chú ý | Wetrade Ratings |
|--------------|----------------|-------------------------------|---------------------------------|---------------------|-----------------|
| Khí tự nhiên | Hồi phục       | Điện, nước & xăng dầu khi đốt | Giảm mạnh                       | GAS                 | D               |
|              |                |                               |                                 | NT2                 | D               |
|              |                |                               |                                 | POW                 | D               |
| Đường        | Suy yếu        | Tài nguyên cơ bản             | Tăng mạnh                       | SLS                 | A               |
|              |                |                               |                                 | SBT                 | B               |
|              |                |                               |                                 | QNS                 | B               |
| Ngô          | Suy yếu        | Thực phẩm và đồ uống          | Giảm mạnh                       | BAF                 | -               |
|              |                |                               |                                 | DBC                 | A               |
|              |                |                               |                                 | HAG                 | C               |

Truy cập [wetrade.dsc.com.vn](http://wetrade.dsc.com.vn) để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

## Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

## CHỈ SỐ VĨ MÔ

| ▲ | Chỉ số       | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M    | % 6M    | Giá 6M                                                                              | ▲ | Chỉ số             | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M     | % 6M     | Giá 6M                                                                              |
|---|--------------|---------|---------|--------------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------|---------|---------|--------------|----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Dollar Index | 103.32  | ▼ -0.1% | Hồi phục     | ▲ 0.1%  | ▼ -0.8% |  |   | Baltic Dirty Index | 803.00  | ▲ 0.0%  | Suy yếu      | ▼ -38.5% | ▼ -38.5% |  |
|   | S&P 500      | 4,400   | ▲ 0.7%  | Suy yếu      | ▲ 5.0%  | ▲ 10.1% |  |   | Baltic Dry Index   | 1,223   | ▼ -1.1% | Hồi phục     | ▼ -11.6% | ▲ 105.9% |  |
|   | US 10Y       | 4.34    | ▲ 2.1%  | Tăng mạnh    | ▲ 17.6% | ▲ 9.8%  |  |   | BCOM index         | 103.26  | ▼ -0.9% | Suy yếu      | ▲ 2.2%   | ▼ -3.5%  |  |
|   | VNIndex      | 1,178   | ▲ 0.0%  | Suy yếu      | ▲ 10.4% | ▲ 8.8%  |  |   |                    |         |         |              |          |          |                                                                                     |

## GIÁ HÀNG HÓA

**NĂNG LƯỢNG**

| Chỉ số       | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M    | % 6M     | Giá 6M                                                                              |
|--------------|---------|---------|--------------|---------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Dầu Brent    | 84.46   | ▼ -0.4% | Tăng mạnh    | ▲ 11.7% | ▲ 2.0%   |  |
| Dầu WTI      | 80.12   | ▼ -0.7% | Tăng mạnh    | ▲ 11.8% | ▲ 4.7%   |  |
| Khí tự nhiên | 2.63    | ▲ 3.1%  | Hồi phục     | ▲ 1.8%  | ▲ 20.8%  |  |
| Than         | 149.25  | ▼ -0.2% | Hồi phục     | ▼ -8.0% | ▼ -28.6% |  |

## NÔNG NGHIỆP

| Chỉ số  | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M     | % 6M     | Giá 6M                                                                              |
|---------|---------|---------|--------------|----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Bông    | 85.57   | ▲ 1.2%  | Hồi phục     | ▼ -1.3%  | ▲ 5.0%   |  |
| Cao su  | 128.60  | ▲ 0.9%  | Giảm mạnh    | ▼ -5.5%  | ▼ -8.1%  |  |
| Đường   | 23.40   | ▼ -1.5% | Suy yếu      | ▼ -9.2%  | ▲ 9.7%   |  |
| Gạo     | 15.52   | ▼ -0.2% | Hồi phục     | ▼ -9.1%  | ▼ -11.3% |  |
| Heo hơi | 58.70   | ▼ -0.2% | Suy yếu      | ▲ 6.0%   | ▲ 15.1%  |  |
| Ngô     | 469.25  | ▼ -2.1% | Suy yếu      | ▼ -15.4% | ▼ -31.0% |  |

**KIM LOAI**

| Chỉ số    | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M    | % 6M     | Giá 6M                                                                                |
|-----------|---------|---------|--------------|---------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Quặng Sắt | 109.00  | ▲ 0.5%  | Suy yếu      | ▲ 0.5%  | ▼ -18.0% |  |
| Thép      | 3,665   | ▼ -1.4% | Giảm mạnh    | ▼ -0.0% | ▼ -13.0% |  |
| Thép HRC  | 550.50  | ▲ 0.0%  | Giảm mạnh    | ▼ -3.8% | ▼ -14.1% |  |
| Vàng      | 1,894   | ▲ 0.3%  | Suy yếu      | ▼ -4.2% | ▲ 3.3%   |  |

**CÔNG NGHIỆP**

| Chỉ số | Giá trị | % D    | XH trung hạn | % 3M    | % 6M     | Giá 6M                                                                                |
|--------|---------|--------|--------------|---------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhôm   | 2,147   | ▲ 0.5% | Suy yếu      | ▼ -6.2% | ▼ -13.0% |  |
| Urea   | 415.00  | ▲ 0.0% | Hồi phục     | ▲ 16.2% | ▲ 6.1%   |  |

## Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của GAS (theo ngày)

**Cổ phiếu** Tổng Công ty khí Việt Nam – Hose**Xu hướng kỹ thuật**

Cổ phiếu GAS thiết lập xu hướng phục hồi trung hạn, sau khi xác nhận vùng đáy suy thoái quanh giá 92. Vừa qua, GAS chịu áp lực chốt lời tại đường tín hiệu dài hạn ma200, cũng như ngưỡng cản fibo 61.8%. Đánh giá đây là nhịp tích lũy điều chỉnh lành mạnh cho xu hướng tăng tiếp diễn.

Tín hiệu ngắn hạn: GAS ghi nhận lực cầu tốt tại ngưỡng fibo 38.2%, vùng 98 là ngưỡng hỗ trợ mô hình 2 đáy. Ngưỡng cản giá 102 trở thành ngưỡng pivot xu hướng trong ngắn hạn. Diễn biến trung lập phía trên đường tín hiệu ma20 là biểu hiện tích lũy cho điểm mua an toàn.

**Khuyến nghị**

## THẨM DÒ

- Điểm mua: giá 99
- Điểm quản trị rủi ro: giá 97
- Điểm mục tiêu: giá 107

Chiến lược mua: NĐT mở vị thế thăm dò tại giá 98-99. Điểm mua gia tăng tỷ trọng khi GAS vượt thành công cản pivot giá 102.

**Thời gian giao dịch kỳ vọng** 3-4 tuần

| Điểm DSC     |         |           |
|--------------|---------|-----------|
| Tăng trưởng  | Giá trị | Đà tăng   |
| D            | C       | D         |
| Hành động    |         |           |
| Điểm mua     |         | 99        |
| Mục tiêu     |         | 107       |
| Cắt lỗ       |         | 97        |
| Reward/Risk  |         | 4.00      |
| Chỉ báo      |         | Đánh giá  |
| MA           |         | Trung lập |
| RSI          |         | Trung lập |
| MACD         |         | Giảm điểm |
| Mục tiêu     |         |           |
| Hỗ trợ (1)   |         | 98        |
| Hỗ trợ (2)   |         | 95.5      |
| Kháng cự (1) |         | 102       |
| Kháng cự (2) |         | 107       |

## Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

**Chú thích:** (\*) Ảnh hưởng nhẹ (\*\*) Ảnh hưởng trung bình (\*\*\*) Ảnh hưởng mạnh

| Hàng hóa                                   | Tác động tích cực                                                                                                    | Tác động tiêu cực                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Dầu thô WTI</b><br><b>Dầu thô Brent</b> | Dầu khí (***); Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***); Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*) | Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*) |
| <b>Khí tự nhiên</b>                        | Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)                                                     | Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***); Hóa chất (Phân bón) (**)                                                                                  |
| <b>Than</b>                                | Than và nhiên liệu tiêu hao (***)                                                                                    | Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***); Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)                                                         |
| <b>Vàng</b>                                | Hàng cá nhân & Gia dụng (**)                                                                                         | -                                                                                                                                                        |
| <b>Thép</b><br><b>Thép HRC</b>             | Tài nguyên cơ bản (***)                                                                                              | Xây dựng và vật liệu (**)                                                                                                                                |
| <b>Quặng sắt</b>                           | -                                                                                                                    | Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)                                                                                                                           |
| <b>Cao su</b>                              | Hóa chất (***)                                                                                                       | Ô tô và phụ tùng (***)                                                                                                                                   |
| <b>Gạo</b>                                 | Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)                                                                               | Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)                                                                                                                    |
| <b>Đường</b>                               | Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)                                                                               | -                                                                                                                                                        |
| <b>Bông</b>                                | Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)                                                                            | Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)                                                                                                                   |
| <b>Lúa mì</b>                              | -                                                                                                                    | Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)                                                                                                            |
| <b>Heo hơi</b>                             | Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)                                                                               | -                                                                                                                                                        |
| <b>Cá tra</b>                              | Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)                                                                                | -                                                                                                                                                        |
| <b>Tôm</b>                                 | Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)                                                                                | -                                                                                                                                                        |
| <b>Urea</b>                                | Hóa chất (phân bón) (***)                                                                                            | Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)                                                                                                                    |
| <b>Nhôm</b>                                | Hóa chất (phân bón) (**)                                                                                             | Xây dựng và vật liệu (*)                                                                                                                                 |
| <b>Phot pho vàng</b>                       | Hóa chất (**)                                                                                                        | Hóa chất (phân bón) (**)                                                                                                                                 |

**Tích cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành**Tiêu cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành